

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong
lĩnh vực Dược, Mỹ phẩm thuộc phạm vi chức năng quản lý
của Sở Y tế trên địa bàn tỉnh**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của
Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày
14 tháng 5 năm 2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm
2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên
quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của
Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ
tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ
trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ
tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ
trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số quy
định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa
liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 3246/QĐ-BYT ngày 16 tháng 8 năm 2023 của Bộ
trưởng Bộ Y tế về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung
mức phí theo Thông tư số 41/2023/TT-BTC ngày 12 tháng 06 năm 2023 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Y tế tại Tờ trình số 2952/TTr-SYT ngày 31
tháng 8 năm 2023 về việc đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố danh
mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Dược, Mỹ phẩm
thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Y tế trên địa bàn tỉnh Kon Tum.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Dược, Mỹ phẩm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Y tế trên địa bàn tỉnh Kon Tum (có Danh mục thủ tục hành chính kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành và sửa đổi, bổ sung thủ tục hành chính số 20, số 23, số 24, khoản V mục A; thủ tục hành chính số 05, khoản VII mục A Danh mục kèm theo Quyết định số 301/QĐ-UBND ngày 11 tháng 6 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc công bố danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

Điều 3. Giám đốc Sở Y tế chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng dự thảo, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính đảm bảo các nội dung được công bố tại Điều 1 Quyết định này theo đúng quy định. Chỉ đạo thực hiện việc công khai dữ liệu thủ tục hành chính trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính theo đúng hướng dẫn tại Công văn số 143/UBND-TTHCC ngày 17 tháng 01 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Y tế; Thủ trưởng các sở, ban ngành; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *na*

Nơi nhận:

- Như điều 4 (để t/h);
- Bộ Y tế (để b/c);
- Cục kiểm soát TTHC - VPCP (để b/c);
- Văn phòng UBND tỉnh:
- + Trung tâm PVHCC tỉnh (để t/h);
- + Công thông tin điện tử tỉnh (để t/h);
- Viễn thông Kon Tum (để p/h);
- Lưu: VT, TTHCC.LHP.

CHỦ TỊCH**Lê Ngọc Tuấn**

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC DƯỢC, MỸ PHẨM THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ Y TẾ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 430 /QĐ-UBND ngày 12 tháng 9 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (CẤP TỈNH): 04 TTHC

STT	Mã số TTHC	Lĩnh vực/Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện		
							Trực tiếp	Trực tuyến	Bru chính công ích
I	Lĩnh vực: Dược phẩm (03 TTHC)								
1	1.003613.00 0.00.00.H34	Kê khai lại giá thuốc sản xuất trong nước	07 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Phí: 800.000 VNĐ/hồ sơ	- Luật Dược số 105/2016/QH13 ngày 06 tháng 4 năm 2016; - Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ; - Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ; - Thông tư 41/2023/TT-BTC ngày 12/06/2023 của Bộ Tài chính.	x	x	x
2	1.004599.00 0.00.00.H34	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét	10 ngày làm việc, kể từ khi	Trung tâm Phục vụ hành chính	Phí: 500.000 VNĐ/hồ sơ	- Luật dược số 105/2016/QH13 ngày	x	x	x

		hồ sơ (trường hợp bị hư hỏng hoặc bị mất)	nhận hồ sơ hợp lệ.	công tỉnh		06/4/2016; - Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính phủ; - Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ; - Thông tư 41/2023/TT-BTC ngày 12/06/2023 của Bộ Tài chính.			
3	1.004596.00 0.00.00.H34	Điều chỉnh nội dung Chứng chỉ hành nghề được theo hình thức xét hồ sơ	05 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Phí: 500.000 VNĐ/hồ sơ	- Luật được số 105/2016/QH13 ngày 06/4/2016; - Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính phủ; - Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ; - Thông tư 41/2023/TT-BTC ngày 12/06/2023 của Bộ Tài chính.	x	x	x
II	Lĩnh vực: Mỹ phẩm (01 TTHC)								
01	1.002483.00	Cấp giấy xác	10 ngày	Trung tâm	Phí:	- Luật Đầu tư năm	x	x	x

	0.00.00.H34	nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm.	làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ hợp lệ.	Phục vụ hành chính công tỉnh	1.600.000 VNĐ/lần	2014; - Nghị định số 93/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ; - Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ; - Thông tư 41/2023/TT-BTC ngày 12/06/2023 của Bộ Tài chính.			
--	-------------	--	---	------------------------------------	----------------------	---	--	--	--

Tổng cộng: 04 Thủ tục hành chính (trong đó: 04 thủ tục sửa đổi, bổ sung cấp tỉnh).